

**UBND XÃ BẢO ĐÀI
TRẠM Y TẾ BẢO ĐÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TYT-HCDSTT

Bảo Đài, ngày tháng 8 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá

Mua sắm trang thiết bị hạ tầng phục vụ triển
khai phần mềm bệnh án điện tử tại Trạm Y tế
Bảo Đài năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp, doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

Trạm Y tế xã Bảo Đài đang có nhu cầu tham khảo giá để xây dựng dự toán nhiệm vụ “Mua sắm trang thiết bị hạ tầng phục vụ triển khai phần mềm bệnh án điện tử tại Trạm Y tế Bảo Đài năm 2026” và thực hiện các thủ tục mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị phục vụ phòng họp, hội chẩn và chuyển đổi số tại đơn vị.

Để có cơ sở tham khảo giá thị trường, tổng hợp và xây dựng dự toán theo quy định, Trạm Y tế xã Bảo Đài kính mời Quý Công ty/Doanh nghiệp quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa gửi báo giá với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trạm Y tế Bảo Đài.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

- Đầu mối: Phạm Văn Chiến, Phòng Hành chính, Dân số và Truyền thông, Trạm Y tế Bảo Đài.

- Số điện thoại liên hệ: 0972260850.

3. Hình thức và địa chỉ tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Điểm Trạm Y tế Bảo Đài số 3 (TYT Tam Dị cũ), Thôn Thanh Giã, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh;

- Nhận bản scan có ký số qua thư điện tử (Email): tyt.baodai@bacninh.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong thời gian tối thiểu 05 ngày kể từ thời điểm đăng tải yêu cầu báo giá.

Thời điểm bắt đầu: kể từ 08 giờ 00 phút ngày 18/8/2026; thời điểm kết thúc: sau tối thiểu 05 ngày kể từ thời điểm đăng tải, theo thông báo đăng tải.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

Đề nghị báo giá thể hiện tối thiểu các thông tin: tên hàng hóa; hãng sản xuất; model/mã sản phẩm; xuất xứ; năm sản xuất (nếu có); đơn vị tính; số lượng; đơn giá; thành tiền; thuế GTGT; tổng giá trị; thời gian giao hàng; thời hạn bảo hành; thời hạn hiệu lực báo giá và các điều kiện thương mại liên quan.

Đối với hàng hóa, đề nghị nhà cung cấp chào giá đúng hoặc cao hơn các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nêu tại bảng trên và ghi rõ mã hiệu/model, hãng sản xuất, xuất xứ để thuận tiện cho việc đối chiếu.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

STT	Danh mục thiết bị, cấu hình và thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị phòng họp, hội thảo		
1.	Tivi 75 inch: - Màn hình LED, QLED hoặc công nghệ hiển thị tương đương - Kích thước màn hình: tối thiểu 75 inch - Tần số quét: tối thiểu 50 Hz - Độ phân giải tối thiểu 3840 × 2160 (4K UHD). - Hỗ trợ HDR hoặc công nghệ nâng cao chất lượng hình ảnh tương đương. - Hệ điều hành thông minh, hỗ trợ cài đặt ứng dụng họp trực tuyến. - Hỗ trợ trình chiếu không dây từ máy tính và thiết bị di động. - Tích hợp Wi-Fi băng tần kép và Bluetooth. - Âm thanh: tối thiểu 20W - Cổng giao tiếp tối thiểu: 3 x HDMI, 2x USB-A, 1x LAN RJ45; 01 Optical Audio hoặc tương đương - Tiêu thụ điện đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. - Phụ kiện gồm điều khiển từ xa, dây nguồn. - Bảo hành tối thiểu 24 tháng.	Cái	2
2.	Máy tính để bàn (Máy lưu trữ dự phòng): - CPU: Intel Core i5-13420H hoặc tương đương - Bộ nhớ RAM: ≥ 8GB DDR4 - Ổ cứng: ≥ 512GB M.2 SSD - Card đồ họa: Tích hợp - Kết nối mạng: + 01 cổng mạng RJ-45 tốc độ tối thiểu 2,5 Gbps. + Wi-Fi 6 (IEEE 802.11ax) hoặc cao hơn. + Bluetooth phiên bản 5.2 hoặc cao hơn. - Cổng giao tiếp tối thiểu: + 03 cổng USB 3.2 hoặc cao hơn. + 01 cổng USB 2.0 hoặc cao hơn. + 02 cổng Thunderbolt 4 hoặc cổng USB4 có chức năng tương đương. + 02 cổng HDMI hoặc 01 HDMI và 01 DisplayPort có khả năng xuất đồng thời 02 màn hình. + 01 cổng âm thanh 3,5 mm (Audio Combo).	Cái	2

	- Hệ điều hành: Cung cấp kèm hệ điều hành Microsoft Windows 11 Pro 64-bit bản quyền hoặc phiên bản mới hơn tại thời điểm cung cấp. - Phụ kiện: Bao gồm bàn phím và chuột có dây hoặc không dây cùng hãng hoặc tương thích với thiết bị. - Màn hình: ≥ 23 inches Full HD (1920x1080); Tần số quét ≥ 75 Hz; Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ (Full HD), cổng kết nối tối thiểu gồm: 01 HDMI, 01 DisplayPort, VGA hoặc nhiều hơn. - Bảo hành tối thiểu 24 tháng		
3.	Camera họp trực tuyến: - Loại thiết bị: Camera hội nghị truyền hình chuyên dụng - Độ phân giải hình ảnh: Tối thiểu Ultra HD 4K (3840 × 2160), tốc độ khung hình tối thiểu 30 fps. - Cảm biến hình ảnh: CMOS hoặc công nghệ tương đương. - Góc quan sát (Field of View): Góc nhìn chéo tối thiểu 110°. - Thu phóng: Hỗ trợ thu phóng số (Digital Zoom) tối thiểu 3x. - Lấy nét: Tự động lấy nét (Auto Focus). - Cân bằng hình ảnh: Tự động cân bằng trắng (Auto White Balance), tự động điều chỉnh ánh sáng (Auto Exposure); hỗ trợ chống ngược sáng hoặc công nghệ tương đương. - Tính năng thông minh: Hỗ trợ tự động căn khung hình (Auto Framing), theo dõi người phát biểu (Speaker Tracking) hoặc công nghệ AI tương đương (nếu có). - Micro: Tích hợp micro đa hướng, hỗ trợ khử tiếng ồn (Noise Reduction), khử tiếng vọng (Echo Cancellation); phạm vi thu âm tối thiểu 5 m. - Kết nối: Hỗ trợ USB Plug & Play (USB 3.0 hoặc cao hơn); không yêu cầu cài đặt trình điều khiển khi sử dụng với các hệ điều hành được hỗ trợ. - Tương thích hệ điều hành: Microsoft Windows 10/11 và các hệ điều hành phổ biến khác. - Tương thích phần mềm: Hỗ trợ Microsoft Teams, Zoom, Google Meet, Cisco Webex và các nền tảng hội nghị truyền hình phổ biến. - Giá lắp đặt: Hỗ trợ lắp trên màn hình, bàn họp hoặc chân đế; có ngầm gắn tiêu chuẩn. - Phụ kiện: Bao gồm cáp USB, bộ nguồn (nếu có), giá đỡ và đầy đủ phụ kiện cần thiết để lắp đặt, vận hành. - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng.	cái	1
4.	Giá tivi di động: - Phù hợp tivi ≥ 75 inch. - Tải trọng tối thiểu 90kg. - Bánh xe: Có - Khay để Camera: Có - Khay để máy tính: Có - Hỗ trợ chuẩn VESA phổ biến. - Bảo hành tối thiểu 12 tháng	Chiếc	1
5.	Loa hội nghị kèm mic: - Tích hợp tối thiểu 06 micro. - Phạm vi thu âm tối thiểu 5m.	Cái	1

	- Hỗ trợ khử tiếng vọng và khử nhiễu. - Kết nối USB và Bluetooth. - Pin sử dụng tối thiểu 20 giờ. - Tương thích các phần mềm họp trực tuyến phổ biến. - Bảo hành tối thiểu 12 tháng		
II	Thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số		
1.	Đầu đọc vân tay: - Công nghệ nhận dạng: Sử dụng công nghệ nhận dạng vân tay quang học hoặc công nghệ tương đương. - Bộ xử lý: Trang bị bộ xử lý chuyên dụng (DSP hoặc tương đương), tần số hoạt động tối thiểu 280 MHz. - Bộ nhớ Flash: Tối thiểu 32 MB. - Hệ điều hành nhúng: RTOS hoặc tương đương. - Cảm biến hình ảnh: Cảm biến CMOS có độ phân giải tối thiểu 2 megapixel hoặc tương đương. - Độ phân giải ảnh vân tay: Tối thiểu 500 dpi. - Thời gian nhận dạng: Không quá 01 giây. - Bảo mật: Dữ liệu vân tay được mã hóa trong quá trình lưu trữ và truyền nhận; hỗ trợ cơ chế chống giả mạo hoặc công nghệ bảo mật tương đương. - Giao tiếp: Hỗ trợ kết nối USB 2.0 hoặc cao hơn; hỗ trợ giao tiếp Ethernet hoặc tương đương (nếu có). - Khả năng tích hợp: Có SDK/API hoặc công cụ phát triển để tích hợp với các phần mềm quản lý; tương thích với hệ điều hành Windows và Linux. - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng.	cái	3
2.	Thiết bị lưu trữ dự phòng (NAS): - Số khay ổ cứng: Tối thiểu 04 khay, hỗ trợ ổ cứng chuẩn 3,5 inch và 2,5 inch SATA HDD/SSD. - Bộ xử lý (CPU): Tối thiểu 04 nhân, xung nhịp tối đa từ 2,2 GHz trở lên hoặc hiệu năng tương đương. - Bộ nhớ RAM: ≥ 16 GB DDR4 ECC; có khả năng nâng cấp theo thiết kế của nhà sản xuất. - Kết nối mạng: Tối thiểu 02 cổng Ethernet RJ-45 tốc độ 2,5 Gbps. - Có khe mở rộng SSD cache M.2 NVMe. - Hỗ trợ RAID 0, 1, 5, 6, 10. - Ổ cứng đi kèm: + Bao gồm tối thiểu 02 ổ cứng chuyên dụng dành cho NAS. + Dung lượng mỗi ổ tối thiểu 4 TB. + Hỗ trợ hoạt động liên tục 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần (24x7). - Giao thức chia sẻ dữ liệu: SMB/CIFS, NFS, FTP, SFTP, WebDAV hoặc tương đương. - Quản lý và bảo mật: Hỗ trợ quản trị thông qua giao diện Web; phân quyền người dùng, nhóm người dùng; xác thực LDAP, Microsoft Active Directory hoặc tương đương; mã hóa dữ liệu AES-256 hoặc công nghệ tương đương. - Sao lưu và đồng bộ dữ liệu: Hỗ trợ sao lưu tự động giữa NAS với máy chủ, máy trạm, thiết bị lưu trữ ngoài hoặc dịch vụ lưu trữ	Cái	1

	đám mây; Hỗ trợ Snapshot, khôi phục dữ liệu và đồng bộ dữ liệu theo lịch. - Giám sát hệ thống: Hỗ trợ giám sát tình trạng ổ cứng (S.M.A.R.T.), cảnh báo lỗi phân cứng, cảnh báo qua email hoặc phương thức tương đương. - Khả năng mở rộng: Hỗ trợ kết nối thiết bị mở rộng dung lượng lưu trữ (Expansion Unit) hoặc khả năng mở rộng tương đương (nếu được nhà sản xuất hỗ trợ). - Bảo hành tối thiểu 36 tháng		
3.	Máy chủ (dùng cho PACS-LIS): - Bộ xử lý (CPU): Tối thiểu 01 bộ xử lý Intel® Xeon® E-2414 (12M bộ nhớ đệm, 2,60 GHz) hoặc tương đương - RAM: $\geq 32\text{GB}$ ECC, có khả năng mở rộng tối thiểu lên 128 GB - Ổ cứng lưu trữ: ≥ 2 ổ 1.2TB HDD 10K SAS 2.5" - Khả năng mở rộng lưu trữ: Hỗ trợ tối thiểu 08 ổ cứng 2.5 inch chuẩn SAS/SATA, hỗ trợ thay nóng (Hot-Plug) các ổ cứng. - Raid controller: Hỗ trợ RAID 0,1,5,10 - Network: ≥ 02 cổng mạng RJ-45 tốc độ 1 Gbps. - Nguồn điện dự phòng hoặc nguồn công suất tối thiểu 600W. - Quản trị: + Hỗ trợ quản trị từ xa thông qua cổng quản lý chuyên dụng hoặc chức năng tương đương. + Hỗ trợ giám sát tình trạng phần cứng, cảnh báo lỗi và cập nhật firmware từ xa. - Hệ điều hành: Windows server 2022 Standard - 16 core license pack hoặc tương đương trở lên. - Phụ kiện: Bao gồm đầy đủ dây nguồn, thanh ray lắp tủ rack (đối với máy chủ dạng Rack) và các phụ kiện cần thiết để lắp đặt, vận hành. - Bảo hành tối thiểu 36 tháng, hỗ trợ bảo hành tại nơi sử dụng (Onsite) hoặc tương đương, thời gian tiếp nhận và xử lý sự cố theo cam kết của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp.	Bộ	1
4.	Ổ cứng dùng cho NAS: - Loại ổ cứng: Ổ cứng chuyên dụng dành cho hệ thống lưu trữ mạng (NAS), hỗ trợ hoạt động liên tục 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần (24x7). - Chuẩn giao tiếp: SATA III 6 Gb/s hoặc cao hơn. - Dung lượng lưu trữ: Tối thiểu 8 TB. - Kích thước: 3.5 inch. - Tốc độ quay: Tối thiểu 7.200 vòng/phút (RPM) hoặc hiệu năng tương đương. - Khả năng tương thích: Tương thích với các hệ thống lưu trữ mạng (NAS) từ 4 khay ổ cứng trở lên; Hỗ trợ cấu hình RAID 0, RAID 1, RAID 5, RAID 6, RAID 10. - Phụ kiện: Đồng bộ với thiết bị lưu trữ mạng được cung cấp. - Bảo hành tối thiểu 36 tháng	Cái	1
5.	Thiết bị lưu trữ mạng (NAS): - Số khay ổ cứng: Tối thiểu 04 khay, hỗ trợ ổ cứng chuẩn 3,5 inch và 2,5 inch SATA HDD/SSD.	Cái	1

	- Bộ xử lý (CPU): Tối thiểu 04 nhân, xung nhịp tối đa từ 2,0 GHz trở lên hoặc hiệu năng tương đương. - Bộ nhớ RAM: Tối thiểu 2 GB DDR4; có khả năng nâng cấp tối thiểu lên 6 GB. - Kết nối mạng: Tối thiểu 02 cổng Ethernet RJ-45 tốc độ 1 Gbps; hỗ trợ Link Aggregation (IEEE 802.3ad) và Failover hoặc tương đương. - Hỗ trợ RAID: RAID 0, RAID 1, RAID 5, RAID 6, RAID 10; hỗ trợ mở rộng dung lượng lưu trữ trực tuyến (Online RAID Expansion) hoặc tương đương. - Hỗ trợ giao thức chia sẻ dữ liệu: SMB/CIFS, NFS, FTP, SFTP, WebDAV hoặc tương đương. - Hỗ trợ quản lý tập trung thông qua giao diện Web; hỗ trợ quản lý nhiều người dùng, phân quyền truy cập và nhật ký hệ thống. - Hỗ trợ xác thực người dùng thông qua LDAP, Active Directory hoặc tương đương. - Hỗ trợ mã hóa thư mục hoặc dữ liệu theo chuẩn AES-256 hoặc tương đương. - Hỗ trợ sao lưu và đồng bộ dữ liệu giữa các thiết bị NAS, máy chủ hoặc dịch vụ lưu trữ đám mây. - Hỗ trợ Snapshot, khôi phục dữ liệu và cảnh báo sự cố qua thư điện tử hoặc phương thức tương đương. - Hỗ trợ giám sát tình trạng ổ cứng (S.M.A.R.T.) và cảnh báo lỗi phần cứng. - Hỗ trợ truy cập từ xa an toàn thông qua VPN hoặc các phương thức bảo mật tương đương. - Bảo hành tối thiểu 36 tháng.		
6.	Máy tính bảng: - Kích thước màn hình: ≥ 10.9 inch - Công nghệ màn hình: IPS LCD, TFT LCD hoặc tương đương; hỗ trợ cảm ứng đa điểm. - Độ phân giải màn hình: $\geq 2304 \times 1440$ pixel. - Bộ xử lý (CPU): Tối thiểu 08 nhân, xung nhịp tối đa $\geq 2,4$ GHz. - RAM: ≥ 8GB; - Bộ nhớ trong: ≥ 256GB - Chip đồ họa (GPU): GPU tích hợp, hỗ trợ tăng tốc đồ họa, đáp ứng hiển thị độ phân giải cao, hợp trực tuyến, trình chiếu và các ứng dụng văn phòng. - Hỗ trợ mở rộng bộ nhớ bằng thẻ nhớ microSD ≥ 1 TB hoặc bộ nhớ trong có dung lượng tương đương (nếu không hỗ trợ khe cắm thẻ nhớ). - Camera sau: Độ phân giải ≥ 8 MP, hỗ trợ tự động lấy nét (Auto Focus), quay video tối thiểu Full HD (1080p). - Camera trước: Độ phân giải ≥ 12 MP hoặc tương đương, góc rộng, hỗ trợ hợp trực tuyến, quay video tối thiểu Full HD (1080p). - Pin & Sạc: + Dung lượng pin: $\geq 8,000$ mAh + Hỗ trợ sạc nhanh tối thiểu 15 W.	Cái	3

	+ Thời lượng sử dụng liên tục tối thiểu 08 giờ với các tác vụ văn phòng và họp trực tuyến. - Kết nối: + Wi-Fi 6 (802.11ax) hoặc cao hơn. + Bluetooth phiên bản 5.3 hoặc cao hơn. + Cổng kết nối/sạc USB Type-C. + Hỗ trợ định vị GPS, GLONASS hoặc tương đương. - Âm thanh: Tích hợp loa và micro; hỗ trợ đàm thoại, họp trực tuyến. - Hệ điều hành: Cài đặt sẵn hệ điều hành có bản quyền, còn được nhà sản xuất hỗ trợ cập nhật. - Phụ kiện kèm theo: Bộ sạc, cáp sạc, dụng cụ tháo SIM (nếu có), tài liệu hướng dẫn sử dụng. - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng tại Việt Nam; nêu rõ hình thức và phạm vi bảo hành.		
7.	Tủ mạng: - Loại thiết bị: Tủ mạng tiêu chuẩn 19 inch, lắp đặt thiết bị CNTT và viễn thông - Chuẩn lắp đặt: Chuẩn Rack 19 inch - Kích thước: Chiều cao tối thiểu 27U; độ sâu tối thiểu 800 mm; chiều rộng tiêu chuẩn 600 mm hoặc tương đương. - Kết cấu: Thép tấm sơn tĩnh điện, độ dày khung và thân tủ phù hợp để đảm bảo khả năng chịu tải và vận hành ổn định. - Khả năng chịu tải: Tối thiểu 500 kg. - Cửa trước: Cửa kính cường lực có khóa an toàn; góc mở tối thiểu 180°. - Cửa sau và hai hông: Tháo lắp thuận tiện, có khóa bảo vệ. - Thanh tiêu chuẩn (Mounting Rail): Có thanh gá thiết bị chuẩn 19 inch, điều chỉnh được vị trí trước/sau. - Hệ thống làm mát: Trang bị tối thiểu 02 quạt tản nhiệt gắn trên nóc tủ hoặc tương đương. - Hệ thống cấp nguồn: Trang bị tối thiểu 01 thanh nguồn (PDU) lắp trong tủ, từ 06 ổ cắm trở lên, điện áp 220 VAC. - Quản lý cáp: Có thanh hoặc phụ kiện quản lý cáp dọc/ngang. - Cửa cáp: Có vị trí đi cáp phía trên và phía dưới tủ. - Chân đế và bánh xe: Trang bị bánh xe chịu lực có khóa và chân tăng chỉnh độ cao. - Tiếp địa: Có điểm tiếp địa an toàn cho thân tủ. - Màu sắc: Màu đen hoặc tương đương. - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng.	Chiếc	1

8.	Phần mềm phòng chống, diệt virus tập trung: - Loại phần mềm: Phần mềm phòng chống mã độc, bảo vệ điểm cuối (Endpoint Security/Endpoint Protection hoặc tương đương), quản lý tập trung, bản quyền sử dụng trong thời gian 01 năm. - Quản lý tập trung thông qua máy chủ hoặc nền tảng điện toán đám mây (Cloud), cho phép quản lý, giám sát và cấu hình chính sách bảo mật tập trung. - Phát hiện, ngăn chặn, cách ly và loại bỏ các loại mã độc như: virus, worm, trojan, spyware, adware, rootkit, ransomware, phishing và các mối đe dọa khác. - Hỗ trợ công nghệ phát hiện dựa trên chữ ký, phân tích hành vi, học máy (Machine Learning) hoặc công nghệ tương đương để phát hiện các mối đe dọa đã biết và chưa biết. - Giám sát các tiến trình, dịch vụ, sự kiện hệ thống và phân tích hành vi nhằm phát hiện các hoạt động bất thường trên máy tính người dùng. - Hỗ trợ bảo vệ theo thời gian thực (Real-time Protection) và tự động xử lý khi phát hiện mã độc. - Hỗ trợ kiểm soát thiết bị ngoại vi (USB, ổ cứng di động hoặc tương đương) và kiểm soát ứng dụng theo chính sách quản trị. - Hỗ trợ giám sát việc cài đặt, sử dụng phần mềm được phép và không được phép; cảnh báo hoặc ngăn chặn theo chính sách của đơn vị. - Hỗ trợ kiểm soát truy cập các trang web độc hại, chống lừa đảo (Anti-Phishing) và bảo vệ khi truy cập Internet. - Tự động cập nhật cơ sở dữ liệu nhận diện mã độc, quy tắc phát hiện và phiên bản phần mềm từ hệ thống của nhà sản xuất theo thời gian thực hoặc theo lịch cấu hình. - Cảnh báo sự kiện an toàn thông tin theo thời gian thực tới quản trị viên thông qua email hoặc các phương thức thông báo tương đương. - Hỗ trợ điều tra, phân tích và xử lý sự cố từ xa; cho phép cô lập máy tính bị nhiễm mã độc khỏi mạng, quét, gỡ bỏ mã độc và khôi phục trạng thái hoạt động (nếu được hỗ trợ). - Có khả năng tự động cập nhật Agent và nâng cấp phiên bản phần mềm mà không cần thao tác trực tiếp trên từng máy tính. - Hỗ trợ tạo báo cáo, thống kê tình trạng bảo mật, lịch sử xử lý sự cố và xuất báo cáo theo định dạng thông dụng. - Hỗ trợ phân quyền người quản trị theo nhiều cấp; ghi nhật ký đầy đủ các thao tác quản trị. - Tương thích với hệ điều hành Microsoft Windows 10, Windows 11 và Windows Server; hỗ trợ các hệ điều hành khác (nếu có). - Giao diện phần mềm quản trị và phần mềm cài đặt trên máy trạm hỗ trợ ngôn ngữ Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh. - Bản quyền sử dụng: Tối thiểu 01 năm, bao gồm quyền sử dụng, cập nhật phiên bản và cập nhật cơ sở dữ liệu nhận diện mã độc trong suốt thời gian bản quyền. - Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: Tối thiểu trong suốt thời gian hiệu lực của bản quyền; hỗ trợ cài đặt, cấu hình, hướng dẫn sử dụng và xử lý sự cố.	Gói	15
----	--	-----	----

Lưu ý:

- Giá chào phải là giá đã bao gồm đầy đủ các khoản thuế, phí, chi phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí liên quan để cung cấp hàng hóa tại Trạm Y tế xã Bảo Đài, trừ trường hợp báo giá có quy định khác và phải được nêu rõ.

- Đối với các thiết bị có yêu cầu bản quyền phần mềm, giấy phép sử dụng hoặc cập nhật, đề nghị báo giá thể hiện rõ thời hạn bản quyền, phạm vi bản quyền và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật đi kèm.

- Báo giá phải có đầy đủ thông tin của đơn vị chào giá, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có); trường hợp báo giá điện tử phải có ký số hợp lệ.

Trạm Y tế xã Bảo Đài trân trọng kính mời Quý Công ty/Doanh nghiệp quan tâm, có năng lực cung cấp hàng hóa nêu trên cung cấp báo giá.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Công ty/Doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Đăng tải website của Trạm;
- Lưu: VT, HCDSTT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Huấn